



nà shān

纳 杉

noun (place name) · Nashan (place name)

Example Sentences

nà shān shì yí gè měi lì de xiǎo zhèn

纳 杉 是 一 个 美 丽 的 小 镇 。

Nashan is a beautiful small town.

wǒ qù nián xià tiān qù guò nà shān

我 去 年 夏 天 去 过 纳 杉 。

I went to Nashan last summer.

Trace each character, then write the word on your own.

纳 纳 纳 纳 纳 纳 纳 纳 纳 纳

杉 杉 杉 杉 杉 杉 杉 杉 杉 杉